TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và ông Nguyễn Hiếu Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nghiêm Văn T, sinh năm 1996 tại Hà Nội; Trú tại: Thôn K, xã C, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nghiêm Văn H và bà Đoàn Thị N; Chưa vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 26/7/2014 bị Công an huyện X, TP Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng (đã hết thời hiệu thi hành). Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Đặng Thế D, sinh năm 1996; trú tại: Thôn L, xã C, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

2/ Anh Phan Văn T2, sinh năm 1987; trú tại: Thôn N, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

4/ Anh Hoàng Văn D2, sinh năm 1994; trú tại: Thôn N, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

5/ Anh Phạm Quang T4, sinh năm 1994; trú tại: Thôn N, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

6/ Anh Nguyễn Quang H2, sinh năm 2005; trú tại: Thôn CV, xã V2, huyện X, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

7/ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 2005, trú tại: Thôn K, xã C, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

8/ Anh Đào Minh H3, sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/3/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thường Tín thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nghiêm Văn H4 (là bố của Nghiêm Văn T) về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình khám xét, ngoài các tang vật liên quan đến hành vi Mua bán trái phép chất ma tuý của Nghiêm Văn H4, Cơ quan điều tra còn phát hiện thu giữ các tài liệu gồm: 28 tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng của Nghiêm Văn T (sinh năm: 1996, HKTT: thôn K, xã C, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội), là con trai của Nghiêm Văn H4 gồm:

+ 16 "Giấy nhận tiền" ghi tên: Hoàng Văn D2, Đặng Thế D, Phan Văn T2, Nguyễn Văn T3, Đào Minh H3 (02 giấy), Dương Hùng D3, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn T3, Phạm Mạnh C, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Hưởng, Vũ Duy Hải, Nguyễn Văn Thắng, Đặng Thị E và Phạm Văn Thái (vay của Nguyễn Xuân M).

+ 07 "Giấy vay tiền" ghi tên: Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H2, Nguyễn Thành Công, Phạm Mạnh C, Đinh Văn Điệp, Nguyễn Văn Nội, Hoàng Tăng Phú.

+ 05 "Hợp đồng mua bán hàng hóa và đặt cọc" ghi tên: Nguyễn Văn T3, Phạm Quang T4, Nguyễn Thị V, Đặng Thị E (02 hợp đồng).

- 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng đã qua sử dụng.

- Số tiền 39.250.000 đồng.

Ngày 15/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường tín đã ra Quyết định trưng cầu giám đinh chữ ký, chữ viết đối với số tài liệu thu giữ của 08 trường hợp (10 tài liệu) vay tiền của Nghiêm Văn T đã có mặt làm việc với Cơ quan điều tra tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội . Tại Bản kết luận giám định số 4254/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an TP. Hà Nội, Kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Minh H3 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên ***Đào Minh H3*** *trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M là* ***chữ do cùng một người ký và viết ra****.*

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Hoàng Văn D2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết đứng tên ***Hoàng Văn D2*** *trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là* ***chữ do cùng một người ký và viết ra.***

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đặng Thế D dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 với chữ ký, chữ viết đứng tên ***Đặng Thế D*** *trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 là* ***chữ do cùng một người ký và viết ra****.*

4. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phan Văn T2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ ký, chữ viết đứng tên ***Phan Văn T2*** *trên các mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 là* ***chữ do cùng một người ký và viết ra****.*

5. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn T3 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A6, A7 với chữ ký, chữ viết đứng tên ***Nguyễn Văn T3*** *trên mẫu so sánh ký hiệu M10; chữ viết phần nội dung trên mẫu so sánh kỷ hiệu M9 là* ***chữ do cùng một người ký và viết ra****.*

*** ***Không đủ cơ sở kết luận*** *chữ ký, chữ viết dòng họ tên* ***Nguyễn Văn T3*** *dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu Ao, A7 với chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn T3 dưới chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M9* ***có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.***

6. Chữ viết dòng họ tên Phạm Quang T4 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 với chữ viết đứng tên ***Phạm Quang T4*** *trên các mẫu so sánh ký hiệu M11, M12 là* ***chữ do cùng một người viết ra****.*

** **Không đủ cơ sở kết luận** chữ ký đứng tên Phạm Quang T4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 với chữ ký đứng tên **Phạm Quang T4** trên các mẫu so sánh ký hiệu M11, M12 **có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.***

*7. **Không đủ cơ sở kết luận** chữ ký, chữ viết dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 với chữ ký, chữ viết đứng tên **Nguyễn Quang H2** trên các mẫu so sánh ký hiệu M13, M14 **có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.***

*8. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Trọng N dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A10 với chữ ký, chữ viết đứng tên **Nguyễn Trọng N** trên các mẫu so sánh ký hiệu M15, M16 là **chữ do cùng một người ký và viết ra.***

Tại Cơ quan điều tra Nghiêm Văn T khai nhận: Khoảng tháng 6 năm 2019 cho đến ngày 02/3/2023, T cho các khách hàng vay tiền dưới hình thức "*Vay tính lãi ngày*": người vay sẽ nhận đủ số tiền vay, tiền lãi tính từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng lãi suất từ 109%/năm đến 182,5%/năm), sau đó hai bên thoả thuận tiền lãi, tiền gốc sẽ trả trực tiếp hoặc chuyển khoản đến số tài khoản của T. T hướng dẫn cho người vay tiền ghi và ký tên mình vào các mẫu "*Giấy vay tiền","Giấy nhận tiền*" và "*Hợp đồng mua bán hàng hóa và đặt cọc*" do T chuẩn bị sẵn để khách hàng có trách nhiệm trả tiền gốc và đóng tiền lãi theo đúng thời gian, thỏa thuận. T đã cho 07 người vay tiền hình thức "*vay tính lãi ngày*", cụ thể:

1. Anh Đặng Thế D:

Ngày 04/12/2019, anh D vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất là 109,5%/năm) gấp 5,5 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh D đã trả cho T 04 tháng (120 ngày) tiền lãi với tổng số tiền 14.400.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh D phải đóng 04 tháng là: 2.630.137 đồng (40.000.000 đồng x 20%/365 x 120). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 14.400.000 đồng - 2.630.137 đồng = **11.769.863** đồng. Hiện anh D đã trả đủ tiền gốc cho T là 40.000.000 đồng.

2. Anh Phan Văn T2:

- Lần vay thứ nhất: Tháng 01/2020, anh T2 vay của Nguyễn Xuân M ở xã V, Thường Tín, Hà Nội số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày

và trả lãi cho Nguyễn Xuân M đến hết tháng 8/2021. Từ tháng 09/2021, anh T2 chuyển sang trả lãi cho T với số tiền vay 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 146%/năm), gấp 7,3 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T2 đã trả cho T 08 tháng (240 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T2 phải đóng 08 tháng là: 6.575.342 đồng (50.000.000 đồng x 20%/365 x 240). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 40.000.000 đồng - 6.575.342 đồng = **33.424.658** đồng. Hiện anh T2 đã trả đủ tiền gốc cho T là 50.000.000 đồng.

- Lần vay thứ hai: Ngày 10/12/2020, anh T2 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 146%/năm), gấp 7,3 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T2 đã trả cho T 20 tháng (600 ngày) tiền lãi với tổng số tiền lãi là 46.800.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T2 phải đóng 20 tháng là: 6.575.342 đồng (20.000.000 đồng x 20%/365 x 600). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 46.800.000 đồng - 6.575.342 đồng = **40.224.658** đồng. Hiện số tiền gốc anh T2 còn nợ chưa trả T là: 10.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi.

3. Anh Nguyễn Văn T3:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 02/4/2020, anh T3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm) gấp 5,5 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T3 đã trả cho T 04 tháng (120 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 7.200.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T3 phải đóng 04 tháng là: 1.315.068 đồng (20.000.000 đồng x 20%/365 x 120). Số tiền T đã thu lợi bất chính là 7.200.000 đồng - 1.315.068 đồng = **5.884.932** đồng. Hiện anh T3 đã trả đủ tiền gốc cho T.

- Lần vay thứ hai: Ngày 16/9/2020, anh T3 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm) gấp 5,5 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T3 đã trả cho T 04 tháng (120 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T3 phải đóng 04 tháng là: 1.972.602 đồng (30.000.000 đồng x 20%/365 x 120). Số tiền T đã thu lợi bất chính là 10.800.000 đồng - 1.972.602 đồng = **8.827.398** đồng. Hiện anh T3 đã trả đủ tiền gốc cho T.

- Lần vay thứ ba: tháng 8/2022, anh T3 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm) gấp 5,5 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T3 đã trả cho T 05 tháng (150 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T3 phải đóng 05 tháng là: 2.465.753 đồng (30.000.000 đồng x 20%/365 x 150). Số tiền T đã thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.465.753 đồng = **11.034.247** đồng. Hiện anh T3 đã trả đủ tiền gốc cho T.

4. Anh Hoàng Văn D2:

- Lần vay thứ nhất: ngày 17/02/2021, anh D2 vay của T số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 146%/năm), gấp 7,3 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Đối với tiền lãi, anh D2 đã trả cho T 03 tháng (90 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp theo quy định D2 phải đóng 03 tháng (90 ngày) là: 2.465.753 đồng (50.000.000 đồng x 20%/365 x 90 ngày). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 18.000.000 đồng - 2.465.753 đồng = **15.534.247** đồng. Hiện anh D2 đã trả đủ tiền gốc cho T là 50.000.000 đồng.

- Lần vay thứ 2: Tháng 7/2021, anh D2 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 146%/năm), gấp 7,3 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Trong đó, 01 tháng đầu anh D2 trả số tiền lãi là 6.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp anh D2 phải đóng cho 01 tháng là: 821.918 đồng (50.000.000 đồng x 20%/365 x 30). Số tiền T đã thu lợi bất chính: 6.000.000 đồng - 821.918 đồng = **5.178.082** đồng. Hết 01 tháng đầu anh D2 thanh toán trả 30.000.000 tiền gốc và nợ lại 20.000.000 đồng tiếp tục trả lãi; 03 tháng tiếp theo anh D2 trả số tiền lãi 7.200.000 đồng, tiền lãi hợp pháp anh D2 phải đóng 03 tháng là: 986.301 đồng (20.000.000 đồng x 20%/365 x 90). Số tiền T đã thu lợi bất chính: 7.200.000 đồng - 986.301 đồng = **6.213.698** đồng. Tiền gốc anh D2 chưa trả T là: 20.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi.

5. Anh Phạm Quang T4:

Ngày 04/11/2021, anh T4 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 146%/năm), gấp 7,3 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh T4 đã trả cho T 01 tháng (30

ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 2.400.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh T4 phải đóng 01 tháng là: 328.767 đồng (20.000.000 đồng x 20%/365 x 30). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 2.400.000 đồng - 328.767 đồng = **2.071.233** đồng. Hiện số tiền gốc anh T4 chưa trả T là: 2.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi.

6. Anh Nguyễn Quang H2:

Ngày 08/10/2022 anh H2 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), gấp 9,1 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh H2 đã trả cho T 06 tháng (180 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh H2 phải đóng 06 tháng là: 493.150 đồng (5.000.000 đồng x 20%/365 x 180). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 4.500.000 đồng - 493.150 đồng = **4.006.850** đồng. Hiện anh H2 đã trả đủ tiền gốc cho T.

7. Anh Nguyễn Trọng N:

Ngày 24/02/2023, anh N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), gấp 9,1 lần mức lãi suất Bộ luật dân sự quy định. Anh N đã trả cho T 01 tháng (30 ngày) tiền lãi với tổng số tiền là 1.500.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp anh N phải đóng 01 tháng là: 164.384 đồng (10.000.000 đồng x 20%/365 x 30). Số tiền T đã thu lợi bất chính là: 1.500.000 đồng - 164.384 đồng = **1.335.616** đồng. Hiện anh N đã trả đủ tiền gốc cho T.

Tổng số tiền Nghiêm Văn T đã cho Hoàng Văn D2, Đặng Thế D, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Quang T4, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quang H2 vay là: 325.000.000 đồng với mức lãi suất từ 109%/năm đến 182,5%/năm (gấp từ 5,5 lần đến 9,1 lần lãi suất cao nhất quy định tại Bộ Luật dân sự). Số tiền Nghiêm Văn T thu lợi bất chính là: **145.505.482 đồng**.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 02 giấy vay nợ giữa T và anh Đào Minh H3 (sinh năm 1988, HKTT: thôn N, xã D, huyện X, TP. Hà Nội). Tại Cơ quan điều tra, anh Đào Minh H3 khai nhận:

-Lần 1 : Ngày 08/12/2020, anh Hà có vay của T 50.000.000 đồng thông qua "Giấy nhận tiền" ghi tên Đào Minh H3 nhận tiền của Nghiêm Văn T để mua giúp 01 chiếc xe máy SH mới do Việt Nam sản xuất, số tiền là 50.000.000 đồng, với

lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 73%/năm) chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định là 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- *Lần 2:* Tháng 7 năm 2021, anh Hà có vay của T 60.000.000 đồng thông qua "Giấy nhận tiền" ghi tên Đào Minh H3 nhận tiền của Nghiêm Văn T để mua giúp 01 chiếc xe máy SH mới do Việt Nam sản xuất, số tiền là 60.000.000 đồng, với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 73%/năm) chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định là 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Tại Cáo trạng số 155/CT-VKSTT ngày 30/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đã truy tố Nghiêm Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị: - Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nghiêm Văn T từ 09 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 325.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay; 26.794.517 đồng là tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội và 145.505.482 đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính (do những người vay tiền không yêu cầu bị cáo trả lại); đối trừ vào số tiền 50.750.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín; bị cáo còn phải nộp 446.549.999 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo số tiền 39.250.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa khẳng định: Do hám lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến ngày 02/3/2023, Nghiêm Văn T đã có hành vi cho 07 người gồm Hoàng Văn D2, Đặng Thế D, Phan Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Trọng N, Phạm Quang T4, Nguyễn Quang H2 vay tiền dưới hình thức cho vay tính lãi với tổng số tiền 325.000.000 đồng với các mức lãi suất từ 109%/năm đến 182,5%/năm, vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%), thu lợi bất chính tổng số tiền là 145.505.482 đồng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, xác định được bị cáo Nghiêm Văn T đã có hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản trong giao dịch dân sự, gây bức xúc trong xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi đã cố ý thực hiện tội phạm với nhiều người với lãi suất cao gấp từ 5,5 đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cũng như để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người vay tài sản có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bà nội là người có nhiều cống hiến

trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, được tặng thưởng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sĩ; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân, bị cáo có 01 tiền sự đã hết thời hiệu thi hành về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điều 52 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định và có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Văn D2, Đặng Thế D, Phan Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Trọng N, Phạm Quang T4, Nguyễn Quang H2 không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Các khoản tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm bao gồm: khoản tiền bị cáo sử dụng để cho vay là 325.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo Bộ luật Dân sự là 26.794.517 đồng và tiền thu lợi bất chính là 145.505.482 đồng, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện nộp 50.750.000 đồng để sung quỹ nhà nước, khắc phục hậu quả.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nghiêm Văn T, là công cụ, phương tiện T dùng để giao dịch cho vay lãi nặng, liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 39.250.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Nghiêm Văn T do không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nghiêm Văn H4, cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H4 và tách ra để điều tra giải quyết bằng một vụ án khác nên không xem xét.

Đối với 02 giấy vay nợ giữa bị cáo và anh Đào Minh H3, do lãi suất cho vay là 73%/năm, chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên không đề cập xử lý là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Xuân M là người cho anh Phan Văn T2 vay tiền (theo lời khai của anh T2) và 01 giấy nhận tiền Phạm Văn Thái vay của Nguyễn Xuân M, do chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của Nguyễn Xuân M nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến Mỹ để điều tra, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với 17 tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng của Nghiêm Văn T với Dương Hùng D3, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn T3, Phạm Mạnh C, Nguyễn Thị My, Nguyễn Văn Hưởng, Vũ Duy Hải, Nguyễn Văn Thắng, Đặng Thị E, Nguyễn Thành Công, Đinh Văn Diệp, Nguyễn Văn Nội, Hoàng Tăng Phú, Nguyễn Thị V, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng những người vay trên đều không có mặt tại nơi cư trú, không biết họ đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến những người vay trên để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; 136; 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nghiêm Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nghiêm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 325.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay; 26.794.517 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự và 145.505.482 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính. Đối trừ vào số tiền 50.750.000 đồng do bị cáo Nghiêm Văn T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016138 ngày 26/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín. Bị cáo Nghiêm Văn T còn phải nộp 446.549.999 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI 353100103445731 (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín).

- Trả lại bị cáo Nghiêm Văn T số tiền 39.250.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Số tiền này hiện đang ở tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo Ủy nhiệm chi ngày 13/12/2023)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nghiêm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Toà án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

-TAND TP. Hà Nội;
-VKSND huyện Thường Tín;
-Công an huyện Thường Tín;
-Chi cục THADS huyện Thường Tín;
-Bị cáo, người có QLNVLQ;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Lan Hương